

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN**

---



**TỔNG VĂN LỢI**

**HỆ THỐNG BẢN ĐỒ  
THĂNG LONG - HÀ NỘI THẾ KỶ XV - XIX**

CHUYÊN NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

MÃ SỐ: 60 31 60

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**HÀ NỘI - 2009**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN**

---



**TỔNG VĂN LỢI**

**HỆ THỐNG BẢN ĐỒ  
THĂNG LONG - HÀ NỘI THẾ KỶ XV - XIX**

CHUYÊN NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

MÃ SỐ: 60 31 60

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN: PGS.TS VŨ VĂN QUÂN**

**TS PHAN PHƯƠNG THẢO**

**HÀ NỘI - 2009**

# MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>1. Lý do chọn đề tài</b> .....	1
<b>2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề</b> .....	2
<b>3. Mục tiêu nghiên cứu</b> .....	5
<b>4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và một số khái niệm</b> .....	6
<i>Đối tượng nghiên cứu</i> .....	6
<i>Phạm vi nghiên cứu</i> .....	6
<i>Một số khái niệm</i> .....	7
<b>5. Phương pháp nghiên cứu</b> .....	8
<b>6. Nguồn tư liệu</b> .....	8
<b>7. Đóng góp của luận văn</b> .....	9
<b>8. Cấu trúc của luận văn</b> .....	10
<b>CHƯƠNG 1: SƯU TẬP BẢN ĐỒ THĂNG LONG - HÀ NỘI THẾ KỶ XV - XIX</b> .....	11
<b>1.1. 1.1. Tác động của điều kiện tự nhiên và bối cảnh lịch sử đến quy hoạch Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XV - XIX</b> .....	11
<i>1.1.1. Tác động của điều kiện tự nhiên</i> .....	11
<i>Điều kiện tự nhiên</i> .....	11
<i>Tác động của các yếu tố sông hồ đến quy hoạch Thăng Long - Hà Nội</i> .....	15
<i>1.1.2. Tác động của bối cảnh lịch sử</i> .....	22
<b>1.2. Sưu tập bản đồ Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XV - XIX</b> .....	28
<i>1.2.1. Bản đồ Hồng Đức</i> .....	28
<i>Sưu tập bản đồ Hồng Đức</i> .....	28
<i>Thông tin từ chú thích trên bản đồ Hồng Đức</i> .....	32
<i>1.2.2. Bản đồ Hà Nội thế kỷ XIX</i> .....	35
<i>Bản đồ Hà Nội do người Việt Nam vẽ</i> .....	35
<i>Bản đồ Hà Nội cuối thế kỷ XIX do người Pháp lập</i> .....	38

<b>1.3. Tiểu kết</b> .....	42
<b>CHƯƠNG 2: DIỆN MẠO THÀNH THỊ THĂNG LONG THẾ KỶ XV - XVIII QUA “HỒNG ĐỨC BẢN ĐỒ”</b> .....	44
<b>2.1. Diện mạo thành - lũy qua “Hồng Đức bản đồ”</b> .....	44
<b>2.1.1. Thành Đại La</b> .....	44
<b>2.1.2. Hoàng thành</b> .....	49
<i>Hoàng thành qua hai đợt xây dựng lớn năm 1490 và 1516</i> .....	50
<i>Khu vực phía tây Cẩm thành</i> .....	54
<i>Khu vực phía nam Cẩm thành: Đông Trường An - Tây Trường An</i> .....	63
<i>Khu vực phía đông Cẩm thành: Đông cung và Thái miếu</i> .....	63
<i>Các cửa Hoàng thành</i> .....	64
<i>Phủ chúa Trịnh</i> .....	67
<i>Về hai bức tường phía bắc của Hoàng thành</i> .....	71
<b>2.1.3. Cẩm thành</b> .....	74
<b>2.2. Diện mạo “thị” qua “Hồng Đức bản đồ”</b> .....	79
<b>2.3. Tiểu kết</b> .....	85
<b>CHƯƠNG 3: DIỆN MẠO THÀNH THỊ THĂNG LONG - HÀ NỘI QUA HỆ THỐNG BẢN ĐỒ THẾ KỶ XIX</b> .....	88
<b>3.1. Thành Hà Nội thời Nguyễn</b> .....	88
<b>3.2. Diện mạo đô thị Thăng Long - Hà Nội cuối thế kỷ XIX</b> .....	99
<b>3.2.1. Những yếu tố châu Âu ở Hà Nội cuối thế kỷ XIX</b> .....	99
<b>3.2.2. Quy hoạch Hà Nội cuối XIX qua bản đồ Pháp</b> .....	103
<i>Bản đồ Hà Nội 1873 của Phạm Đình Bách</i> .....	103
<i>Bản đồ Thành phố Hà Nội 1885</i> .....	105
<i>Bản đồ Hà Nội 1890</i> .....	107
<i>Bản đồ Hà Nội 1894</i> .....	111
<i>Bản đồ Hà Nội 1898</i> .....	112
<i>Bản đồ Hà Nội 1899</i> .....	114

<i>3.2.3. Sự thay đổi cảnh quan đô thị 20 năm cuối thế kỷ XIX</i> .....	120
<i>Sự thay đổi cảnh quan tự nhiên</i> .....	120
<i>Khu vực phố cổ và làng xã ven đô</i> .....	122
<b>3.3. Tiểu kết</b> .....	127
<b>KẾT LUẬN</b> .....	129
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	132
<b>PHỤ LỤC 1: SƯU TẬP BẢN ĐỒ THẾ KỶ XV - XIX</b> .....	145
<b>PHỤ LỤC 2: SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BẢN ĐỒ HỒNG ĐỨC ....</b>	194
<b>PHỤ LỤC 3: BIÊN NIÊN SỰ KIỆN</b> .....	199

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

Nxb	Nhà xuất bản
NCLS	Nghiên cứu lịch sử (Tạp chí)
KCH	Khảo cổ học (Tạp chí)
H.	Hà Nội.

## DANH MỤC BIỂU, BẢNG SỬ DỤNG TRONG LUẬN VĂN

TT	Tên gọi	Nội dung	Trang
1	Biểu đồ 1	Tổng quan các lĩnh vực nghiên cứu về Hà Nội	2
2	Biểu đồ 2	Tần số xuất hiện các chú thích trên 11 bản đồ	33
3	Bảng 1	Số lượng chú thích trên bản đồ	32
4	Bảng 2	Thống kê bản đồ cuối thế kỷ XIX	38
5	Bảng 3	So sánh các cửa ô	97

## DANH MỤC HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG LUẬN VĂN

TT	Tên gọi	Nội dung	Trang
1	Hình 1	Không ảnh Hà Nội - khu vực nghiên cứu	14
2	Hình 2	Vận tốc trung bình của sông Hồng - đoạn chảy qua Hà Nội - vào thời điểm đỉnh lũ năm 2000 (ngày 26/7/2000) ở điều kiện tự nhiên (vận tốc Min là 0.25m/s; Max là 2.235m/s)	16
3	Hình 3	Phạm vi thành Đại Độ năm 1749 theo <i>Hoài Đức phủ toàn đồ</i> năm 1831 của Lê Đức Lộc, Nguyễn Công Tiến	48
4	Hình 4	Vị trí Khán Sơn tự và hồ Hải Trì trên bản đồ Hồng Đức	57-58
5	Hình 5	Vị trí đoạn thành trên bản đồ Hồng Đức	62
6	Hình 6	Vị trí các cửa Hoàng thành trên bản đồ Hồng Đức (Trung đô nhất phủ nhị huyện hình thắng, A.2006)	67
7	Hình 7	Vương phủ trên bản đồ Hồng Đức	69-70
8	Hình 8	Hình ảnh hai lớp tường thành phía bắc trên bản đồ Hồng	74-75

		Đức	
9	Hình 9	Vị trí Cẩm thành trên bản đồ Hồng Đức	77-78
10	Hình 10	Hình ảnh thành Hà Nội	91
11	Hình 11	Bên trong thành Hà Nội, 1875 - 1877, ảnh chụp từ Cửa Đông	91
12	Hình 12	Bản đồ 1894 chống xếp trên bản đồ hiện nay	93
13	Hình 13	Bố trí trong thành Hà Nội	94
14	Hình 14	Hiện trạng sử dụng không gian trong thành Hà Nội, bản đồ 1894	96
15	Hình 15	Sự phát triển không gian ảnh hưởng của Pháp trên đất Hà Nội	101
16	Hình 16	Kế hoạch cải tạo khu vực hồ Gươm	102
	Hình 17	Hình 17: Bản đồ HÀ NỘI 1873 của Phạm Đình Bách	
	Hình 18	Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI EN 1885	
	Hình 19	Bản đồ PLANDE HANOI ET DES ENVIRONS, 1890	
	Hình 20	Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI EN 1894	
	Hình 21	Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI 1898	
	Hình 22	Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI 1899	
	Hình 23	Cầu Doumer bắc qua sông Hồng	118
17	Hình 24	Sơ đồ phủ Toàn quyền Đông Dương ở Hà Nội	119
18	Hình 25	Sự phát triển của không gian khu phố Tây từ 1885 đến 1899	120-121
19	Hình 26	Hà Nội và hình ảnh của nước, Bản đồ Hà Nội 1885 đã xử lý	123
20	Hình 27	Hình ảnh 3D về khu phố cổ trên cơ sở bản đồ Hà Nội 1897	125
21	Hình 28	Bản đồ Hà Nội ngày 20 tháng 8 năm 1883	127

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch của cả nước; là nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và là nơi diễn ra các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng nhất của đất nước [Pháp lệnh Thủ đô, điều 1].

Gần 1000 năm giữ vị trí trung tâm đất nước, Thăng Long - Hà Nội trở thành một trong những thủ đô có lịch sử lâu đời nhất ở khu vực Đông Nam Á cũng như trên thế giới. Với vị thế “*ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây*”, vùng đất “*rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh*”, Thăng Long - Hà Nội đã và đang là nơi hội tụ và tỏa sáng tinh hoa đất nước, khí thiêng sông núi. Qua bao thăng trầm biến thiên của lịch sử, thành phố rồng bay không ngừng phát triển nhằm khẳng định vị thế “*thắng địa*”, “*tụ hội quan yếu của bốn phương*” để trở thành “*nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời*” [63, 241].

Tìm hiểu về lịch sử Thăng Long - Hà Nội, có nhiều nguồn tư liệu được sử dụng, trong đó bản đồ cổ có ý nghĩa quan trọng. Đây là nguồn tư liệu có giá trị nghiên cứu về nhiều phương diện, một cơ sở xây dựng hệ thống bản đồ Hà Nội qua các thời kỳ. Thông tin từ bản đồ cổ cho phép xác định cấu trúc của hệ thống thành lũy, các công trình kiến trúc... Tuy nhiên, bản đồ cổ nói chung, bản đồ Thăng Long - Hà Nội nói riêng đến trước thế kỷ XIX được vẽ rất ước lệ nên chỉ có thể đem đến một hình dung tương đối về khu vực được mô tả.

Bản đồ Thăng Long trước thế kỷ XV hiện nay không còn. Chúng ta chỉ có những bản đồ “*Hồng Đức*” được biên tập, sao chép trong các thế kỷ XVII, XVIII, đầu XIX trên cơ sở các bản đồ được thiết lập dưới thời Lê Thánh Tông (1460-1497). Đó là những bản đồ xưa nhất về Thăng Long.

Thế kỷ XIX, chúng ta có nhiều bản đồ Thăng Long - Hà Nội hơn. Bản đồ thời Nguyễn do người Việt Nam vẽ có hai loại: một theo họa pháp hiện đại (như Bản đồ *Hà Nội 1873* của Phạm Đình Bách); một còn ước lệ (như bản đồ Hà Nội đầu thế kỷ XIX, *Hoài Đức phủ toàn đồ* năm 1831 do Lê Đức Lộc, Nguyễn Công Tiến<sup>1</sup>, bản đồ Đồng Khánh... Bản đồ cuối thế kỷ XIX do người Pháp vẽ có theo phương pháp hiện đại có số lượng khá phong phú.

---

<sup>1</sup> *Hoài Đức phủ toàn đồ* hiện nay chưa tìm thấy nguyên bản. Bản đồ chúng ta vẫn sử dụng, thậm chí lưu tại Viện Thông tin Khoa học xã hội là bản đồ được Trần Huy Bá vẽ lại theo tỷ lệ hiện đại vào năm 1956.



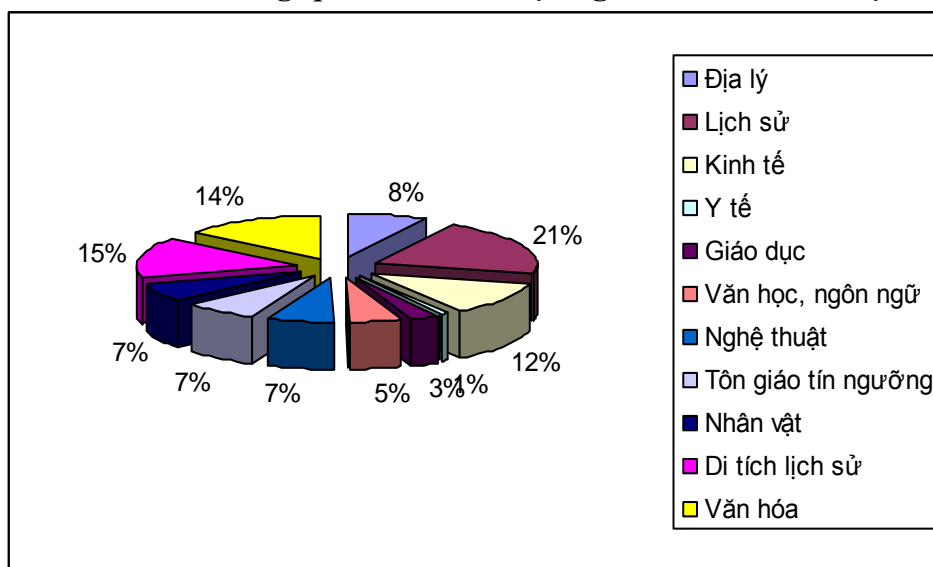
Sưu tập bản đồ Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XV - XIX có thể góp phần nhận diện hình ảnh kinh đô thời phong kiến trước khi có những biến chuyển mạnh mẽ vào đầu thế kỷ XX. Vì thế, tôi lựa chọn vấn đề HỆ THỐNG BẢN ĐỒ THĂNG LONG - HÀ NỘI THẾ KỶ XV - XIX làm đề tài luận văn. Thông qua hệ thống bản đồ, luận văn đi sâu tìm hiểu Thăng Long - Hà Nội trước khi được quy hoạch để trở thành đô thị hiện đại kiểu phương Tây.

## 2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Dưới thời phong kiến, các triều đại Lý, Trần, Lê đã xây dựng hàng trăm cung điện lớn nhỏ, nhiều lần mở rộng, thu hẹp, gia cố để thành Thăng Long - Hà Nội thêm kiên cố và vững bền. Thế nhưng, những thăng trầm của lịch sử cùng sự đổi thay vương triều, chiến tranh... đã làm cho những cung điện, đền đài, lầu gác, thành lũy... bị san bằng gần như không còn lại dấu vết gì trên mặt đất. Đó là một thực tế khó khăn cho các nhà nghiên cứu. Song, dường như vì thế mà Thăng Long - Hà Nội càng thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Hàng nghìn công trình, bài viết được công bố đã thể hiện sự lôi cuốn mạnh mẽ của chủ đề này.

Năm 2008, Đề tài “Điều tra, sưu tầm tư liệu” thuộc Dự án “Điều tra, sưu tầm, biên soạn và xuất bản tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến”<sup>2</sup> đã tập hợp được 5.426 công trình nghiên cứu, bài viết về Thăng Long - Hà Nội, về mọi lĩnh vực, từ lịch sử (21%), di tích lịch sử (15%), văn hóa (14%)...

**Biểu đồ 1: Tổng quan các lĩnh vực nghiên cứu về Hà Nội**



<sup>2</sup> Đề tài “Điều tra, sưu tầm tư liệu” do PGS.TS Vũ Văn Quân làm Chủ nhiệm, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển Chủ trì thuộc Dự án “Điều tra, sưu tầm, biên soạn và xuất bản tủ sách Thăng Long ngàn năm văn hiến” do Nhà xuất bản Hà Nội là Chủ đầu tư được tiến hành trong ba năm: 2007, 2008, 2009.

Vấn đề vị trí, quy mô, kích thước, phạm vi của các tòa thành trên đất Thăng Long - Hà Nội được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu với nhiều ý kiến tranh luận, thậm chí trái ngược nhau. Có quan điểm cho rằng Hoàng thành Thăng Long nằm dịch về khu vực phía tây của vườn Bách Thảo (Trần Huy Bá, Hoàng Đạo Thúy). Ngược lại, cũng có ý kiến cho rằng Hoàng thành Thăng Long nằm ở phía đông, trong phạm vi thành Hà Nội thời Nguyễn (Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán, Phan Huy Lê)... Nếu như vòng thành Đại La ngoài cùng của kinh thành Thăng Long đã đạt được sự thống nhất tương đối của các nhà Hà Nội học thì phạm vi, giới hạn của Cẩm thành, đặc biệt là Hoàng thành Thăng Long vẫn là câu hỏi bỏ ngỏ.

Người đầu tiên sử dụng bản đồ Hồng Đức để kiến giải vị trí Hoàng thành Thăng Long là Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1799 - 1872). Dựa vào “đồ bản thành Thăng Long đời Hồng Đức” (tức bản đồ Hồng Đức), tác giả cho biết “thành này (tức Hoàng thành - TVL) hình như thước thợ mộc”. Những kiến giải của Nguyễn Văn Siêu về vị trí Hoàng thành Thăng Long, Cung thành vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay [76, 177].

Nghiên cứu về bản đồ Thăng Long - Hà Nội, trừ một số bài viết có tính chất giới thiệu thì luận văn *Bản đồ Hồng Đức* của Lê Thuớc (Nghiên cứu lịch sử, số 9.1963) đã mở đầu cho các nghiên cứu về bản đồ cổ. Năm 1962, tập sách *Hồng Đức bản đồ* được Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Phạm Văn Thúy, Tạ Quang Phát, Trương Bửu Lâm dịch và xuất bản dựa trên văn bản lưu giữ tại Đông Dương văn khố (Tokyo Bunko, Nhật Bản)<sup>3</sup>. Điểm mạnh của công trình là dịch, chú thích nguyên bản nhưng công tác giám định văn bản chưa được quan tâm thỏa đáng.

Thập kỷ 80 của thế kỷ XX, tác giả Bùi Thiết đã lần lượt cho công bố các luận văn: *Về các tấm bản đồ thành Thăng Long đời Lê (thế kỷ XV)* (Tạp chí KCH, số 3.1981); *Thêm một số bản đồ Thăng Long thời Lê (thế kỷ XV - XVIII)* (Tạp chí KCH, số 1.1982); *Sắp xếp các thế hệ bản đồ hiện biết thành Thăng Long thời Lê (thế kỷ XV - XVIII)* (Tạp chí KCH, số 4.1984); *Phát hiện hàng loạt bản đồ Thăng Long thời Lê* (Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 10.1984). Bằng những phân tích của mình, tác giả “bước đầu thử chỉ định vị trí của tòa thành Thăng Long (tức Hoàng thành, vòng thành thứ hai) như sau, so với địa danh hiện nay:

- Phía đông, tường thành nằm vào khoảng từ giữa phố Lý Nam Đế và đường Hoàng Diệu (tức là phạm vi thành Hà Nội thời Nguyễn).

---

<sup>3</sup> Từ sách Viện Khảo cổ, *Hồng Đức bản đồ*, Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn, 1962, 276 trang. Đây là bản in âm bản của microfilm nên hình nền màu đen, nét vẽ có màu trắng. Bản này hoàn toàn trùng khớp với *Hồng Đức bản đồ* ký hiệu A.2499 ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

- Phía tây, lấy Hồ Khẩu làm điểm mốc, từ đó vạch đường thẳng theo trục bắc nam, thì đó là phía tây Hoàng thành; tức là nó bao gồm cả đất các làng Ngọc Hà, Đại Yên, Hữu Tiệp cũ.

- Phía bắc không quá sông Tô Lịch.

- Phía nam, nếu lấy bến ô tô Kim Mã làm mốc, vạch đường thẳng theo hai phía đông tây thì có thể đó là tường thành phía nam Hoàng thành” [195, 70]. Bản đồ A.2531 được tác giả cho là gần nhất với bản đồ biên soạn năm 1490 [197].

Năm 1986, tác giả Phạm Hân có bài *Suy nghĩ sơ bộ về bộ Bản đồ Hồng Đức qua tám bản đồ kinh thành Thăng Long* đã giới thiệu các văn bản: Hồng Đức bản đồ (A.2499, VHt.41), An Nam quốc Trung đô tính thập tam tuyên hình thể đồ họa (A.2531), An Nam hình thắng đồ (A.3034), Thiên Nam lộ đồ (A.1081), Nam Việt bản đồ (A.1063), Giao châu dư địa chí (VHt.30), Thiên tài nhàn đàm (A.584), Thiên hạ bản đồ tổng mục lục đại toàn (A.1362). Tác giả nhận thấy “bản đồ kinh thành Thăng Long được thể hiện trong 10 cuốn sách nói trên giống nhau về địa hình, địa vật... Song những chi tiết thể hiện sự cấu trúc của Hoàng thành có khác nhau”. Tác giả đi đến nhận định bản A.2499 “chính xác hơn cả... thể hiện rõ nét quần thể kiến trúc cung điện trong Cẩm thành mà ngày nay trên thực địa vết tích những công trình chủ yếu vẫn còn. Chỉ có bản đồ đó mới cung cấp cho ta nguồn thông tin tương đối đầy đủ để tìm hiểu vị trí thành Thăng Long” [140, 60, 64].

Những kết quả khai quật khảo cổ học ở Hà Nội từ năm 2002 đã thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu về Hà Nội. Nhiều nguồn tư liệu mới, khám phá mới, quan điểm mới được chia sẻ, thảo luận. Tại Hội thảo về Hoàng thành Thăng Long năm 2004, tác giả Ngô Đức Thọ trình bày tham luận *Thăng Long qua tư liệu các bản đồ cổ* phân tích về bản đồ Hồng Đức. Theo đó, tác giả phân chia 11 tấm bản đồ Hồng Đức thành hai nhóm: Nhóm 1 (có vẽ bức tường ốp) gồm các bản đồ A. 2499; VHt.41; A.3034; A.2531; A.2006; A.1081 và A.1603; Nhóm 2 (không vẽ tường ốp) gồm có các bản đồ A.2716; A.73; VHt.30 và A.1362. Tác giả cũng khẳng định các bản đồ Thăng Long dù biên vẽ trong nhiều thời kỳ khác nhau song tất cả đều là những truyền bản từ một bản đồ thời Hồng Đức [201].

Những bài viết về bản đồ Hồng Đức đã đặt lại vấn đề là sử dụng nguồn tư liệu bản đồ trong nghiên cứu lịch sử Thăng Long - Hà Nội, đặc biệt là quy mô, cấu trúc, giới hạn của các vòng thành lũy trên đất Hà Nội như thế nào cho đúng. Qua đó, bản đồ Hồng Đức nói riêng, các bản đồ Thăng Long - Hà Nội nói chung đã được chú ý nghiên cứu, tìm hiểu. Tuy nhiên, những luận văn đó vẫn chưa tìm được câu trả lời thống nhất cho câu hỏi: đâu là bản gần nhất với nguyên bản được ban hành năm 1490?

Cuộc triển lãm “Chu trình phát triển 100 năm” tổ chức tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám tháng 11.2002 đã giới thiệu bộ sưu tập 78 bản đồ Hà Nội qua các thời kỳ do các nhà nghiên cứu của *Viện Nghiên cứu kiến trúc, đô thị và xã hội Paris* (IPRAUS) tuyển chọn trong số các tài liệu lưu trữ của Pháp. Ngoài một số bản đồ có niên đại từ giữa thế kỷ XIX thì phần lớn bản đồ (72 văn bản) là bản đồ do người Pháp lập từ năm 1882 đến 1954. Lần đầu tiên, một hệ thống bản đồ Hà Nội thời thuộc địa được giới thiệu gần như đầy đủ đã cho thấy vai trò của bản đồ trong nghiên cứu Hà Nội. Thành công của cuộc triển lãm được giới thiệu trong cuốn sách: *Hà Nội - chu kỳ của những đổi thay, hình thái kiến trúc và đô thị*<sup>4</sup>. Gần đây nhất, cuốn sách *Bản đồ cổ Hà Nội và vùng phụ cận* được xuất bản là sản phẩm của cuộc triển lãm cùng tên do Trung tâm văn hóa Pháp tại Hà Nội (l’Espace) và Thư viện Quốc gia Việt Nam phối hợp tổ chức<sup>5</sup>. Đáng chú ý trong sưu tập này là bản đồ *Thọ Xương Vĩnh Thuận nhị huyện đồ* mô tả vùng nội thành Hà Nội hiện nay. 34 bản đồ khác được vẽ theo tỷ lệ bản đồ học hiện đại, bắt đầu từ bản đồ *Hà Nội 1873* của Phạm Đình Bách và kết thúc bằng bản đồ *Nội thành Hà Nội (bản đồ chỉ dẫn tên phố)* do Viện Quy hoạch đô thị Hà Nội vẽ, Ban Địa chính trực thuộc Văn phòng Thủ tướng xuất bản năm 1965. Điểm mới của công trình đã giới thiệu thêm 17 bản đồ mới so với 78 bản đồ giới thiệu trước đó. Do vậy, gần 100 bản đồ Hà Nội, phần lớn là bản đồ thời thuộc địa, được giới thiệu và công bố.

Tựu trung lại, nhìn một cách tổng thể thì Hà Nội học đã đạt được những thành tựu lớn. Tuy nhiên, nhìn ở hướng nghiên cứu bản đồ thì vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là chưa đánh giá đúng mức những thông tin mà bản đồ mang lại. Những hạn chế đó, một phần do khó khăn trong công tác giám định văn bản, đặc biệt đối với các bản đồ Hồng Đức, mặt khác, những bản đồ hiện đại do người Pháp lập thì mới chỉ được giới thiệu, triển lãm mà chưa được khai thác nghiên cứu.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

- Nghiên cứu, làm rõ những thông tin lịch sử trên hệ thống bản đồ Thăng Long - Hà Nội từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX

- Phân tích những điểm tương đồng và dị biệt trong các bản đồ Hồng Đức, từ đó định rõ các giá trị thông tin mà các bản đồ đó cung cấp.

- So sánh những bản đồ được lập trong thế kỷ XIX của Việt Nam và Pháp để thấy được sự phát triển của kỹ thuật lập bản đồ.

- Trên cơ sở tham chiếu giữa các bản đồ với thông tin từ các nguồn tư liệu khác, khôi phục diện mạo của kinh thành Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XV - XIX.

---

<sup>4</sup> *Hà Nội - chu kỳ của những đổi thay, hình thái kiến trúc và đô thị*, Nxb Khoa học kỹ thuật, H.2003, 345 trang

<sup>5</sup> *Bản đồ cổ Hà Nội và vùng phụ cận*, Nxb Thế giới, H.2009

#### 4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và một số khái niệm

##### *Đối tượng nghiên cứu*

- Luận văn lấy tư liệu bản đồ cổ về Thăng Long - Hà Nội làm đối tượng nghiên cứu chính. Bản đồ được đối chiếu, so sánh để tìm ra những nét tương đồng, dị biệt trong cách thể hiện hình ảnh Thăng Long - Hà Nội. Những nguồn tư liệu đương thời, đặc biệt là chính sử, tư liệu ghi chép của người phương Tây được dẫn dụng nhằm *làm rõ hơn những chi tiết mà bản đồ thể hiện*. Ở đây cần làm rõ hai đối tượng nghiên cứu là bản đồ và nội dung mà bản đồ thể hiện. Đối tượng nghiên cứu là bản đồ nhưng nội dung bản đồ thể hiện là không gian địa lý, lịch sử, chính trị, văn hóa Thăng Long - Hà Nội nên đối tượng nghiên cứu của đề tài có *chức năng kép*, tức là bản thân bản đồ và nội dung mà bản đồ thể hiện. Đối tượng nghiên cứu thông qua bản đồ là Thăng Long - Hà Nội. Là một đô thị, Thăng Long - Hà Nội, từ trong lịch sử đến ngày nay, mang những đặc trưng chung của đô thị Việt Nam: cùng tính chất của đô thị phương Đông thời trung đại, cùng tính chất của đô thị chuyển đổi sang mô hình phương Tây thời cận đại. Nhưng Thăng Long - Hà Nội khác với nhiều đô thị Việt Nam, mà điểm khác biệt lớn nhất, trở thành xuất phát điểm cho những khác biệt khác, là vai trò trung tâm chính trị, hành chính quốc gia của đô thị này. Đây chính là nét riêng biệt làm nên đặc tính của Thăng Long - Hà Nội với tư cách một không gian địa lý - lịch sử - trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, xã hội và văn hóa.

##### *Phạm vi nghiên cứu*

Giới hạn thời gian nghiên cứu.

- Giới hạn đầu: Thế kỷ XV. Đây là mốc thời gian xuất hiện và còn lưu giữ được những hình ảnh của bản đồ Hồng Đức.

- Giới hạn cuối: thế kỷ XIX. Đây là khoảng thời gian hình ảnh Thăng Long - Hà Nội được thể hiện là đô thị cổ truyền mang phong cách phương Đông (ở một chừng mực nào đó, phong cách phương Đông thể hiện bởi sự gắn kết giữa thành quan liêu và thị kinh tế, dân gian, sự khác biệt về cơ sở hạ tầng, dịch vụ giữa đô thị hiện đại và đô thị truyền thống...). Các bản đồ từ cuối thế kỷ XIX trở đi đã thể hiện những dấu ấn đô thị mới do người Pháp quy hoạch, tái thiết và xây dựng. Giới hạn thế kỷ XV - XIX sẽ đặc tả đô thị Thăng Long - Hà Nội với *những nét đặc trưng riêng biệt của nó, kiểu truyền thống phương Đông, tái thiết theo phong cách của đô thị phương Tây* mà những bản đồ trong khung thời gian này thể hiện.

Giới hạn không gian nghiên cứu.

Đặc thù của Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XV - XIX thể hiện hình ảnh đô thị mà phạm vi của nó tương ứng với các quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa,

Tây Hồ ngày nay, với trung tâm là các quận Hoàn Kiếm (khu kinh tế thương nghiệp), Ba Đình (trung tâm chính trị, hành chính, quân sự).

### *Một số khái niệm*

Về tên gọi Thăng Long, Trung Đô, Phụng Thiên, Kẻ Chợ:

Thăng Long là tên gọi được ra đời vào năm 1010 khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về vùng đất Hà Nội ngày nay. Mang ý nghĩa biểu tượng là Rồng Bay, Thăng Long là tên gọi xuyên suốt trong lịch sử hình thành và phát triển của kinh đô nước Đại Việt thời phong kiến. Trung Đô là tên gọi xuất hiện năm 1462, Phụng Thiên là tên gọi xuất hiện năm 1469. Hai tên gọi Trung Đô, Phụng Thiên tồn tại trong suốt thế kỷ XV đến XVIII. Thăng Long, Trung Đô, Phụng Thiên là những tên gọi chính thức của nhà nước dùng để gọi kinh đô của quốc gia Đại Việt.

Tên gọi Kẻ Chợ là tên gọi dân gian được Alexandre De Rhodes giải thích là “Kinh đô xứ Đông Kinh”, “Những người ở trong chợ, nghĩa là những người ở kinh đô Đông Kinh” nhằm phân biệt với người ở Kẻ quê, Kẻ mùa [100a, 60, 123]. Tên gọi Kẻ Chợ rất phổ biến trong các ghi chép, du ký của người phương Tây.

Tên gọi Hà Nội chính thức xuất hiện vào năm 1831 do cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mệnh, và tiếp tục được giữ nguyên cho đến ngày nay.

Các tên gọi Thăng Long, Trung Đô, Phụng Thiên, Kẻ Chợ, Hà Nội được sử dụng trong luận văn đều dùng để chỉ vị trí kinh đô của quốc gia Đại Việt, thủ phủ của liên bang Đông Dương thời cận đại.

Về thuật ngữ Kinh đô, thành thị, đô thị.

Theo giải thích của Alexandre De Rhodes thì Kinh đô, kinh kỳ là “thủ đô xứ Đông Kinh” [100a, 130]. Thành thị là khái niệm xuất hiện sớm, phổ biến ở phương Tây dùng để chỉ một trung tâm chính trị - hành chính, một trung tâm kinh tế hoặc cả hai. Trong luận văn, khái niệm thành thị được sử dụng tương đương với khái niệm đô thị, kinh đô. Tuy nhiên, khi nghiên cứu bản đồ, chúng tôi sử dụng khái niệm thành thị với hai ý nghĩa: Thành là “thành phố có xây tường” [100a, 217] với ý nghĩa các lớp thành - lũy vật chất được xây bằng gạch đá hoặc đắp bằng đất dùng để bảo vệ cho bộ máy trung ương phong kiến; Thị là “chợ” theo cách giải thích của Alexandre De Rhodes với ý nghĩa là khu vực buôn bán, kinh tế công thương nghiệp của Thăng Long - Hà Nội. Đô thị là khái niệm chỉ không gian cư trú và hoạt động của cộng đồng cư dân phi nông nghiệp, là trung tâm của một vùng lãnh thổ, của một đơn vị hành chính - lãnh thổ hoặc của đất nước. Ngày nay, khái niệm đô thị được dùng ở nhiều cấp độ khác nhau, có thể là *vùng đô thị*, *đơn vị hành chính - lãnh thổ đô thị* hoặc *chức năng đô thị*. Thuật ngữ đô thị được dùng phổ biến trong chương 3 của luận văn dùng để chỉ một

trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội mới được quy hoạch và xây dựng dưới ảnh hưởng của người Pháp.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Bản đồ Thăng Long - Hà Nội là nguồn tài liệu hình ảnh quan trọng trong việc nghiên cứu đô thị. Khi sử dụng chúng nhằm mục đích khôi phục lại diện mạo Thăng Long - Hà Nội, tức là chúng ta đã trực tiếp sử dụng bản đồ với vai trò là nguồn sử liệu. Chính vì thế việc phân tích bản đồ là một trong những cách tiếp cận mang tính phương pháp luận để tìm hiểu hình ảnh đô thị trong quá khứ.

Phương pháp khu vực học được sử dụng trong luận văn nhằm nghiên cứu những đặc trưng mang tính tổng thể của khu vực. Khu vực nghiên cứu là sự tổng hợp của các yếu tố: địa lý, con người, không gian chính trị - văn hóa - lịch sử, nhận thức rõ ràng những đặc thù có tính chất khác biệt/đặc biệt của Thăng Long - Hà Nội trong lịch sử cũng như hiện nay.

Tìm hiểu Thăng Long - Hà Nội, một thành thị/đô thị tiêu biểu nhất thời phong kiến và cận đại nên phương pháp nghiên cứu đô thị được ứng dụng một cách triệt để. Đó là phương pháp phân tích cấu trúc đô thị, tổ chức không gian đô thị, thiết lập các trung tâm phát triển... của Thăng Long - Hà Nội trong lịch sử.

Phương pháp phân tích, đối chiếu tư liệu, so sánh bản đồ.

Phương pháp mô tả lịch sử để phục dựng hình ảnh Thăng Long - Hà Nội.

Phương pháp chồng xếp bản đồ nhằm xác định ranh giới không gian nghiên cứu.

Phương pháp liên ngành trong luận văn sẽ được thể hiện trong từng lĩnh vực cụ thể.

Lấy Thăng Long - Hà Nội là khu vực nghiên cứu, kỹ năng nghiên cứu trên thực địa hay nghiên cứu điền dã (field research, field work) phải được tiến hành như một yêu cầu bắt buộc trong nghiên cứu khu vực. Đây không chỉ là kỹ năng/phương pháp mà còn là sự đối chiếu, kiểm chứng giữa văn bản và thực địa.

## **6. Nguồn tư liệu**

Đề tài sử dụng bốn nguồn tư liệu chính là bản đồ, tư liệu chữ Hán, tư liệu chữ phương Tây, tư liệu thực địa.

Nguồn tư liệu quan trọng nhất, đồng thời là đối tượng nghiên cứu của đề tài chính là bản đồ Thăng Long - Hà Nội trong lịch sử.

Bổ sung, đối chiếu với nguồn tư liệu bản đồ là tư liệu từ chính sử, quan trọng nhất là *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tục biên*, *Đại Nam thực lục*... Đây là các nguồn tư liệu có tính chất chính thống, gần gũi về niên đại với tư liệu bản đồ sử dụng

trong luận văn. Ngoài ra, các bộ chính sử được ghi chép muộn hơn cũng được sử dụng, phục vụ cho nghiên cứu sau khi đã đối chiếu, so sánh.

Những ghi chép bằng chữ Hán của cá nhân, du ký, địa phương chí về Thăng Long - Hà Nội, văn bia... bổ sung thông tin cho các bộ chính sử do không bị hạn chế bởi tính chính thống của “quốc sử”.

Nguồn tư liệu thứ ba là tư liệu chữ phương Tây hết sức phong phú. Đó là những du ký của giáo sĩ, thương nhân phương Tây từng đến Thăng Long - Kẻ Chợ trong các thế kỷ XVII, XVIII. Thế kỷ XIX, Hà Nội được phản ánh đa chiều bởi thư từ, ghi chép của những người lính viễn chinh có trình độ trong đội quân xâm lược Pháp, của những nhà báo, phóng viên, những quan chức cai trị cao cấp người Pháp ở Hà Nội.

Nguồn tư liệu thứ tư là các tài liệu thu thập trong quá trình khảo sát, điền dã thực địa. Đó là địa danh, truyền thuyết, ký ức dân gian... Khi sử dụng nguồn tư liệu này, chúng tôi phải tiến hành so sánh, đối chiếu cẩn thận để kiểm tra các dẫn chứng.

Ngoài ra, luận văn còn tham khảo, kế thừa các kết quả nghiên cứu của các đề tài, công trình nghiên cứu về Thăng Long - Hà Nội.

## **7. Đóng góp của luận văn**

- Hệ thống, nghiên cứu những bản đồ Thăng Long - Hà Nội.
- Phân tích hình ảnh thành thị/đô thị Thăng Long - Hà Nội trong lịch sử qua nguồn tư liệu bản đồ.
- Làm rõ những thông tin bản đồ Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XV - XIX thể hiện.
- Phân tích, làm rõ cấu trúc, tổ chức không gian thành thị/đô thị Thăng Long - Hà Nội trong lịch sử. Đây là khái niệm chưa xuất hiện trong ý thức của những nhà hoạch định thành thị thời phong kiến, nó chỉ xuất hiện khi các khái niệm “đô thị học”, “đô thị hóa” ra đời từ cuối thế kỷ XIX. Thế nhưng, tổ chức không gian của thành thị Thăng Long - Hà Nội thời phong kiến trước hết phải được nhìn nhận nó là một *trung tâm quyền lực tuyệt đối*, là khu vực “bất khả xâm phạm” đối với mọi tầng lớp dân cư. Cái nhân lõi đầu tiên, quan trọng nhất, ấn tượng nhất chính là sự hiện diện của các tòa thành lũy chuyên chế đặc biệt, duy nhất chỉ có ở Thăng Long - Hà Nội mà không có ở bất cứ địa phương nào khác. Do đó, nghiên cứu bản đồ Hà Nội cổ phải thấy được cấu trúc đặc thù này. Dựa trên ý nghĩa đó, đề tài tập trung làm rõ cấu trúc không gian, tức là các hình thức không gian quyền lực, thể hiện ý chí của một cá nhân, một nhóm người trong hoạch định xu hướng phát triển của thành phố.
- Đề tài phân tích chức năng của các công trình kiến trúc đối với sự phát triển của thành thị, góp phần tạo nên tính *biểu tượng* của khu vực nghiên cứu.



## **8. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn tập trung vào ba chương:

Chương 1: Suu tập bản đồ Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XV - XIX.

Chương 2: Diện mạo thành thị Thăng Long thế kỷ XV - XVIII qua “Hồng Đức bản đồ”.

Chương 3: Diện mạo thành thị Thăng Long - Hà Nội qua hệ thống bản đồ thế kỷ XIX.

\*

\*           \*

Trong quá trình thực hiện luận văn, với trách nhiệm và tình cảm, PGS.TS Vũ Văn Quân, TS Phan Phương Thảo đã dành cho tôi những ưu ái đặc biệt. PGS.TS Nguyễn Thừa Hỷ đã dành thời gian góp ý cho những luận điểm trong luận văn. Tôi xin cảm ơn sự quan tâm của thầy cô dành cho tôi, trong công việc cũng như trong cuộc sống.

Luận văn được hoàn thành dưới sự động viên, khích lệ của người thân trong gia đình, bạn bè... Ở đây, tôi bày tỏ sự biết ơn chân thành với những tình cảm mọi người dành cho tôi.

Tôi cũng muốn nói lời cảm ơn chân thành đến Ban Lãnh đạo Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, các phòng ban, anh chị em trong Viện, vừa là cơ sở đào tạo, vừa là nơi tôi công tác đã tạo điều kiện, động viên, nhắc nhở tôi hoàn thành công việc.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng những vấn đề trình bày trong luận văn chắc chắn còn nhiều thiếu sót, tôi rất mong nhận được những ý kiến phản hồi để luận văn có thể hoàn thiện tốt hơn.

Chân thành cảm ơn!



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## 1. Nguồn tư liệu

### Tư liệu bản đồ

1. *Trung đô Thăng Long thành nhất phủ nhị huyện đồ*, trong sách *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, kí hiệu A.73
2. *Trung đô sơn xuyên hình thắng chi đồ*, trong sách *Thiên Nam lộ đồ*, ký hiệu A.1081
3. *Trung đô Thăng Long thành nhất phủ nhị huyện đồ*, trong sách *Nam Việt bản đồ*, ký hiệu A.1601
4. *Trung đô nhất phủ nhị huyện chi hình*, trong sách *Thiên tài nhàn đàm*, ký hiệu A.2006
5. *Trung đô*, trong sách *Hồng Đức bản đồ*, ký hiệu A.2499
6. *Trung đô đồ*, trong sách *An Nam quốc, Trung đô tịnh thập tam tuyên hình thắng đồ hoạ*, ký hiệu A.2531
7. *Thăng Long thành Phụng Thiên phủ nhất phủ nhị huyện* trong sách *Thiên tài nhàn đàm*, ký hiệu A.2716
8. *Trung đô nhất phủ nhị huyện hình thắng chi đồ*, trong sách *An Nam hình thắng đồ*, ký hiệu A.3034
9. *Thăng Long thành Phụng Thiên phủ, nhất phủ nhị huyện*, trong sách *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, ký hiệu VHt.30
10. *Trung đô xứ nhất phủ nhị huyện tam thập lục phường nhất danh Phụng Thiên phủ*, trong sách *Thiên hạ bản đồ*, ký hiệu VHt.30/VHc.01282
11. *Trung đô nhất phủ nhị huyện hình thắng chi đồ*, trong sách *Hồng Đức bản đồ*, ký hiệu VHt.41
12. *Bản đồ Hà Nội cuối thế kỷ XIX*, tư liệu gốc tỉ lệ 1/5.000 (không thước tỉ lệ hình), nền giấy, vẽ màu, không định hướng, không lời ghi, không chú thích, kích thước 170 x 110cm, lưu tại Thư viện Quốc gia Paris, ký hiệu GeA 395.
13. *Hà Nội tỉnh thành*
14. *Hoài Đức phủ toàn đồ 1831*, ký hiệu A.2.3.3.2 của Lê Đức Lộc, Nguyễn Công Tiến, Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội.
15. *Bản đồ Hà Nội 1866*, Trần Huy Bá vẽ lại ngày 12.6.1956
16. *Bản đồ Hà Nội 1873* của Phạm Đình Bách
17. *Hà Nội tỉnh đồ* trong *Đồng Khánh địa dư chí*
18. *Hoài Đức phủ đồ* *Đồng Khánh địa dư chí*
19. *Thọ Xương Vĩnh Thuận nhị huyện đồ* *Đồng Khánh địa dư chí*

20. Bản đồ HANOI. VILLE, CITADELLE ET ENVIRONS năm 1882, tỷ lệ 1/30.000, khổ 22 x 27 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 10643, Trung tâm lưu trữ hải ngoại Pháp (Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence)
21. Bản đồ HANOI 20 AOUT 1883 (20.8.1883), do Sous-Lieutenant Launay vẽ, Sở Địa lý Đông Dương ấn hành, tỷ lệ 1/10.000, khổ 45 x 53 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM CP 1PL/89, Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
22. Bản đồ PLANS DE QUELQUES VILLES DU TONKIN ET DE LEURS ENVIRONS. HANOI ET ENVIRONS, PLAN DE BAC-NINH, TUYEN QUAN, HAI-PHONG ET ENVIRONS năm 1885, tỷ lệ 1/20.000, khổ 90 x 63 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM CP 1PL/1788, Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence
23. Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI EN 1885, khổ 1/5.000, tỷ lệ 136 x 100 cm, Fonds Louis-Georges Pineau (Pinge 33/ 02/03).
24. Bản đồ PLAN TOPOGRAPHIQUE DE LA VILLE DE HANOI 1885, do M. Montalembert vẽ, Sở Địa lý Đông Dương ấn hành, tỷ lệ 1/2.000, khổ 31 x 24 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM CP 1PL/1725, Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
25. Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI EN 1885 được đo vẽ dưới sự chỉ đạo của L.Babonneau, do Sở Địa chính Bắc Kỳ xuất bản tháng 9.1936, nhà in Photographique du cadastre du Tonkin ấn hành. Bản đồ gốc có tỷ lệ 1/5.000. Thư viện Quốc gia Paris (Ge A 1.131)
26. Bản đồ CARTE DES ENVIRONS DE HANOI 1888, tỷ lệ 1/25.000, khổ 75 x 62 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 6383, Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence
27. Bản đồ HANOI 1888-1, Sở Địa lý Đông Dương ấn hành, tỷ lệ 1/25.000, khổ 53,5 x 65cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO EM/1888/140/39, Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence
28. Bản đồ PLAN DE HANOI ET DE SES ENVIRONS 1890, do Charles Halais chỉ đạo dựng vẽ, khổ 65 x 51 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM CTS6/228, Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence
29. Bản đồ VILLE DE HANOI 1890-1, tỷ lệ 1/10.000, khổ 63 x 55 cm, Fonds Louis-Georges Pineau (Pinge 33/ 02/05), Viện Nghiên cứu kiến trúc Pháp.
30. Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI 1890-3-9, do V. Leclanger vẽ, được xuất bản năm 1924 bởi Tạp chí Kinh tế Đông Dương (l'Eveil économique de l'Indochine), tỷ lệ 1/10.000, khổ 77 x 63 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM CP 1PL/1719, Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence. Một bản được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu kiến trúc Pháp (Pinge 33/02), một bản tại Thư viện Quốc gia Paris (Ge C 1731).

31. Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI 1890-3-19, do V. Leclanger vẽ, tỷ lệ 1/5.000, khổ 104 x 93 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM FM 1TP/162 (pièce 14), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
32. Bản đồ PLAN DE HANOI EN NOVEMBRE 1890-11, tỷ lệ 1/10.000, khổ 65 x 65 cm, Fonds Louis-Georges Pineau (Pinge 33/ 02/15).
33. Bản đồ DISTRIBUTION D'EAU DE LA VILLE DE HANOI 1891-12, tỷ lệ 1/5.000, khổ 93 x 119 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 6371 (pièce 92), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
34. Bản đồ 1894, PLAN DE LA VILLE DE HANOI EN 1894, tỷ lệ 1/5.000, khổ 148 x 100 cm Fonds Louis-Georges Pineau (Pinge 33/ 02/02), Institut français d'architecture, Paris.
35. Bản đồ PROJET DE BOULEVARDS DANS LES TERRAINS DE LA CITADELLE CONCEDES A MR BAZIN. PLAN D'ENSEMBLE 1894-5-24, tỷ lệ 1/5.000, khổ 58 x 100 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 7753 (pièce 98), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
36. Bản đồ DECLASSEMENT DE LA CITADELLE DE HANOI 1894-7, tỷ lệ 1.5 000, khổ 31 x 41 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 7752 (pièce 25), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
37. Bản đồ PROJET DE DECLASSEMENT DE LA CITADELLE DE HANOI 1894-7-22, tỷ lệ 1/5.000, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 7753 (pièce 34), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
38. Bản đồ VILLE DE HANOI. PROJET DE DECLASSEMENT DE LA CITADELLE DE HANOI. PLAN DES TERRAINS DE LA CITADELLE 1894-8, tỷ lệ 1/5.000, khổ 40 x 53 cm, ký hiệu lưu trữ FR CAOM INDO GGI 7752 (pièce 21), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
39. Bản đồ DÉCLASSEMENT DE LA CITADELLE DE HANOI (pièce 25), tỷ lệ 1/5.000 được lập vào tháng 2.1894, ký hiệu lưu trữ : FR CAOM INDO GGI 7752, (pièce 25) Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence
40. Bản đồ DELIMITATION DES FOSSES DE LA CITADELLE 1895-12-22, tỷ lệ 1/1.000, khổ 30 x 57 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 7753 (pièce 55), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
41. Bản đồ CITADELLE ET TERRAIN MILITAIRE DE HANOI 1896-5, tỷ lệ 1/1.000, khổ 148 x 75 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 7753 (pièce 18), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
42. Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI 1897, J. Borreil vẽ, tỷ lệ 1/5.000, khổ 145 x 61cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI /7127 (pièce 2), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.

43. Bản đồ TRAVAUX DE REDUCTION DE LA CITADELLE 1897-1-13, tỷ lệ 1/2.000, khổ 92 x 83 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 7752 (pièce 5), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
44. Bản đồ VILLE DE HANOI. PLAN GENERAL D'ETUDE: 1\_ CONSTRUCTION D'EGOUTS. PLAN DES EGOUTS A CONSTRUIRE 1897-10, Max Baudouin vẽ, tỷ lệ 1/5.000, khổ 58 x 112 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 6365 (pièce 5), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
45. Bản đồ ILLE DE HANOI. PLAN GENERAL D'ETUDE : 1\_ EXTENSION DU RESEAU DE DISTRIBUTION DES EAUX 1897-10-14, Max Baudouin vẽ, tỷ lệ 1/5.000, khổ 60 x 122 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 6365 (pièce 14), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
46. Bản đồ ENVIRONS DE HANOI 1898-3, tỷ lệ 1/20.000, khổ 89 x 114 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM CTS 6/244/1-2, Centre des Archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
47. Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI 1898-10, tỷ lệ 1/10.000, khổ 65 x 66 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM CP 1PL/1720, Centre des Archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
48. Bản đồ PLAN DE LA VILLE DE HANOI 1899, tỷ lệ 1/10.000, khổ 70 x 66 cm, ký hiệu lưu trữ: FR CAOM INDO GGI 7758 (pièce 8), Centre des archives d'outre-mer, Aix-en-Provence.
49. *Bản đồ cổ Hà Nội và vùng phụ cận*, Nxb Thế giới, H.2008.

#### **Tài liệu thư tịch Hán Nôm**

50. Bùi Hạnh Cần (sưu tầm, biên dịch) (2000), *Thăng Long thi văn tuyển*, Nxb Văn hóa Thông tin, H.
51. Phan Huy Chú (2008), *Lịch triều hiến chương loại chí*, T.1, Nxb Giáo dục, H.
52. Phan Huy Chú (2008), *Lịch triều hiến chương loại chí*, T.2, Nxb Giáo dục, H.
53. Phan Huy Chú (1997), *Hoàng Việt địa dư chí*, Nxb Thuận Hóa.
54. Lê Dư (2007), *Dấu tích Thăng Long: Hà Thành kim tích khảo*, Nxb Lao động, H.
55. *Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789)*, Nxb Khoa học xã hội, H.1991.
56. *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb Khoa học xã hội, H.1997
57. Lê Quý Đôn (1977), *Đại Việt thông sử*, Nxb Khoa học xã hội, H.
58. *Đồng Khánh địa dư chí*, T.1, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (dịch), Nxb Thế giới, H.2003.
59. *Đồng Khánh địa dư chí*, T.2, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (dịch), Nxb Thế giới, H.2003.

60. *Đông Khánh địa dư chí*, T.3, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (dịch), Nxb Thế giới, H.2003.
61. Trương Vĩnh Ký (1876), *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi 1876*.
62. Bùi Dương Lịch (1982), *Lê quý dật sử*, Nxb Khoa học xã hội, H.
63. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.1, Nxb Khoa học xã hội, H.
64. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.2, Nxb Khoa học xã hội, H.
65. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.3, Nxb Khoa học xã hội, H.
66. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.4, nguyên bản chữ Hán, Nxb Khoa học xã hội, H.
67. Phan Huy Lê (chủ biên) (2005), *Địa bạ cổ Hà Nội (huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận)*, T.1, Nxb Hà Nội, H.
68. Phan Huy Lê (chủ biên) (2008), *Địa bạ cổ Hà Nội (huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận)*, T.2, Nxb Hà Nội, H.
69. Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Văn Nguyên (chủ biên) (2007), *Địa chí Thăng Long - Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm*, Nxb Thế giới, H.
70. Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Đại Nam thực lục*, T.1, Nxb Giáo dục, H.
71. Quốc sử quán triều Nguyễn (2008), *Đại Nam thực lục*, T.4, Nxb Giáo dục, H.
72. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, T.2, Nxb Giáo dục, H.
73. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, T.3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
74. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, T.3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
75. *Quốc triều hình luật*, Viện Sử học Việt Nam, Nxb Pháp lý, H.1991.
76. Nguyễn Văn Siêu (1997), *Đại Việt địa dư toàn biên*, Viện Sử học & Nxb Văn hóa, H.
77. Nguyễn Văn Siêu (2001), *Phương Đình địa dư chí*, Nxb Văn hóa Thông tin, H.
78. Nguyễn Văn Siêu (2001), *Phương Đình văn loại*, Nxb Văn học, H.
79. *Tây hồ chí*, Bản dịch của Hoàng Giáp
80. Nguyễn Thu (1971), *Lê Quý kỷ sự*, Nxb Khoa học xã hội, H.
81. Tủ sách Viện Khảo cổ (1962), *Hồng Đức bản đồ*, Sài Gòn.
82. *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, T.1, Nxb Khoa học xã hội, H.1978.
83. *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, T.2, Nxb Khoa học xã hội, H.1978.

84. Lê Hữu Trác (1977), *Ký sự lên kinh*, Nxb Hà Nội, H.

84a. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, H.1976

85. Viện Cao học thực hành, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Viễn đông bác cổ Pháp (2005), *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*, T.1, Nxb Văn hóa thông tin, H.

#### **Tài liệu nước ngoài (Pháp, Anh)**

86. Baldinotti (1903), *La relation sur le Tonkin du P.Baldinotti* [Bản tường trình về xứ Đàng Ngoài của cha Baldinotti], BEFEO, 1903, P.71-78, Tài liệu dịch đề tài Điều tra, sưu tầm tư liệu

87. Samuel Baron (1680), *Description du royaume de Tonquin (1680)*, RI 1914-1915.

88. Henri Bernard (1939), *Pour le cim-préhension de l'Indochine et de l'Occident* [Để tìm hiểu Đông Dương và phương Tây], H. Tài liệu dịch đề tài Điều tra, sưu tầm tư liệu.

89. Louis Bezacier (1942), *La citadelle de Hanoi* [Thành Hà Nội], Indochine hebdomadaire illustré, n<sup>o</sup>100, Jeudi 30 Juillet, 1942. Tài liệu dịch đề tài Điều tra, sưu tầm tư liệu.

90. Claude Bourrin (2007), *Bắc Kỳ xưa*, Nxb Giao thông vận tải, H.

91. Claude Bourrin (2009), *Đông Dương ngày ấy 1898-1908*, Nxb Lao động, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, H.

91a. Careri (G). *Memories* (1695). Les Furopeens qui ont vu le vieux Hue: Careri. BAVH 1930 (3).

92. William Dampier (2007), *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, Nxb Thế giới, H.

93. Paul Doumer (1905), *L'Indochine Française. Souvenirs* [Xứ Đông Pháp, những kỷ niệm], Vuibert & Nony press, Paris. Tài liệu dịch Đề tài Điều tra, sưu tầm tư liệu.

94. Docteur Hocquard (1999), *Une campagne a Tonkin*, Paris, 1892, in lại năm 1999.

95. Charles Labarthe (1883), *Ha-Noi, capitale du Tong-kinh en 1883* [Hà Nội, thủ đô của Bắc Kỳ năm 1883], Revue de géographie. T.XIII, Juillet Décembre 1883, Paris.

96. Claude Madrolle (1912), *Hanoi et ses environs* [Hà Nội và những vùng phụ cận], London, Tài liệu dịch đề tài Điều tra sưu tầm tư liệu.

97. André Masson (2003, *Hà Nội giai đoạn 1873 - 1888*, Nxb Hải Phòng.

97a. Marini (GF), *Relalion nouvelle et curieuse des royaumes de Tonguim et de Lao*, Paris 1666

98. Louis Georges Pineau (1942), *Hà Nội lớn*, Indochine hebdomadaine, n<sup>o</sup>108, 24.9.1942, Tài liệu dịch Đề tài Điều tra, sưu tầm tư liệu.

99. Alexandre De Rhodes (1994), *Hành trình và truyền giáo*, Tủ sách Đại Kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp Hồ Chí Minh.



100. Alexandre De Rhodes (1994), *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, Tủ sách Đại Kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp Hồ Chí Minh.

100a. Alexandre De Rhodes (1991), *Từ điển Annam-Lusitan-Latinh*, Nxb Khoa học xã hội, H.

101. Abbé Richard (1774), *Histoire naturelle civile et politique du Tonquin*, tome 1, Paris. Tài liệu dịch đề tài Điều tra, sưu tầm tư liệu.

102. G.Taboulet (1955), *La geste Française en Indochine*, Paris, tome 1, Tài liệu dịch đề tài Điều tra, sưu tầm tư liệu.

## **2. Công trình nghiên cứu**

103. Trần Huy Bá (1941), “Thành Thăng Long với cuộc đổi thay”, *Tri tân*, số 10 (tr. 133-135), số 11 (tr.138-151).

104. Trần Huy Bá (1959), “Thử bàn về vị trí thành Thăng Long đời Lý”, *Tạp chí NCLS*, số 6.

105. Trần Huy Bá (1960), “Vị trí phủ chúa Trịnh”, *Tạp chí NCLS*, số 2.

106. Trần Huy Bá (1966), “Bàn thêm về nội thành Thăng Long ở thời Lý - Trần - Lê”, *Tạp chí NCLS*.

107. Trần Huy Bá (1986), “Chút ít tài liệu về việc mở mang thành phố Hà Nội”, *Tạp chí NCLS*, số 3.

108. Hoa Bằng (1960), “Nhân đọc cuốn Cổ tích và Thắng cảnh Hà Nội, thử tìm hiểu về thành Thăng Long qua Lý, Trần, Lê và các cửa ô cuối thế kỷ XVIII”, *Tạp chí NCLS*, số 14.

109. Hoa Bằng (1960), “Tìm hiểu thành Thăng Long”, *Tạp chí NCLS*, số 5.

110. Hoa Bằng (1960), “Thử tìm hiểu về thành Thăng Long qua các thời Lý - Trần - Lê và các cửa ô cuối thế kỷ XVII”, *Tạp chí NCLS*.

111. Hà Văn Cận (2001), “Nhóm đĩa trang trí hình rồng vẽ lam đơn giản phát hiện tại Hậu Lâu - Hà Nội”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2000*, Nxb Khoa học xã hội, H.

112. Hà Văn Cận (2005), “Về các hiện vật liên quan đến lò nung gốm sứ tại hồ khai quật D7 ở 18 Hoàng Diệu (Hà Nội) năm 2003”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2004*, Nxb Khoa học xã hội, H.2005

113. Hoàng Xuân Chinh (1959), “Thử bàn về vị trí thành Thăng Long”, *Tạp chí NCLS*, số 9.

114. Hoàng Xuân Chinh (1965), “Bản đồ Hà Nội - Đông Kinh”, *Tạp chí NCLS*, số 12.

115. Hoàng Xuân Chinh (1959), “Thử bàn về vị trí thành Thăng Long (Trao đổi cùng ông Trần Huy Bá)”, *Tạp chí NCLS*, số 9.

116. Pierre Clément và Nathalie Lancret (Chủ biên) (2003), *Hà Nội chu kỳ của những đổi thay: Hình thái kiến trúc và đô thị*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, H.
117. Chương trình KX.09 (2008), *Quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội, H.
118. Đào Thị Diễm (2002), “Đường hay đê? (Về một cuộc đấu tranh bảo vệ cảnh quan Hồ Tây và hồ Trúc Bạch cách đây hơn 7 thập kỷ qua tài liệu lưu trữ)”, *Xưa và Nay*, số 113.
119. Đào Thị Diễm (2004), “Một vài suy nghĩ rút ra từ việc nghiên cứu tài liệu về quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ thuộc địa (1888 - 1945)”, *Lưu trữ Việt Nam*, số 5.
120. Nguyễn Thị Đơn (1985), “Phát hiện bộ vũ khí và nền kiến trúc cổ thời Lê ở hồ Ngọc Khánh (Hà Nội)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1984*, Viện Khảo cổ học, UBKHXH Việt Nam, H.
121. Nguyễn Thị Đơn (1990), “Tìm hiểu khu Giảng Võ của thành Thăng Long qua sưu tập hiện vật và di tích kiến trúc phát hiện năm 1983 ở Hồ Ngọc Khánh, Ba Đình (Hà Nội)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1987*, Viện Khảo cổ học, UBKHXH Việt Nam, H.
122. Nguyễn Thị Đơn (1998), “Những di tích kiến trúc và di vật thời Lê phát hiện tại hồ Ngọc Khánh - Hà Nội năm 1983”, *Tạp chí KCH*, số 4.
123. Nguyễn Thị Đơn (2001), “Đấu tích thành Thăng Long thời Lý, Trần, Lê qua một số lần khai quật khảo cổ học”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Lý Công Uẩn và vương triều Lý (kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội)*, Nxb Đại học Quốc gia, H.
124. Nguyễn Thị Đơn (2001), *Sưu tập vũ khí thời Lê ở Ngọc Khánh (Hà Nội)*, LA TS Lịch sử, H.
125. *Địa chí văn hoá dân gian Thăng Long*, Hà Nội 1995.
126. Nguyễn Khắc Đạm (1975), “Bàn thêm về vị trí thành và lũy Hà Nội thời phong kiến”, *Tạp chí NCLS*, số 165.
127. Nguyễn Khắc Đạm (1977), “Hà Nội 36 phố phường”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*.
128. Nguyễn Khắc Đạm (1992), “Vị trí, kích thước thành Thăng Long, Tử Cấm Thành và Đông Cung”, *Tạp chí NCLS*, số 6 (265).
129. Nguyễn Khắc Đạm (1994), “Cái được và cái mất của Hà Nội trong việc cải tạo mặt bằng của thực dân Pháp trước kia”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1993*, Nxb Khoa học xã hội, H.
130. Nguyễn Khắc Đạm (1999), *Thành lũy, phố phường và con người Hà Nội trong lịch sử*, Nxb Văn hóa Thông tin, H.
131. Nguyễn Khắc Đạm (2000), “Các thành lũy từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIX trên đất Hà Nội”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1999*, Nxb Khoa học xã hội, H.

132. Nguyễn Khắc Đạm (2001), “Phương châm bắt di bắt dịch của các triều đại phong kiến Việt Nam trong việc xây dựng thành lũy Hà Nội”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2000*, Nxb Khoa học xã hội, H.
133. Nguyễn Khắc Đạm (2004), “Ngôi thành Đại đô của chúa Trịnh trên đất Hà Nội”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2003*, Nxb Khoa học xã hội, H.
134. Nguyễn Đình Đầu (2001), “Thăng Long dưới mắt người Âu từng sống ở Kê Chợ (thế kỷ XVIII)”, *Xưa & Nay*, số 94 tháng 6.
135. Võ Văn Đăng (1984), “Giới thiệu bộ sưu tập bản đồ Hà Nội 1873-1936”, *Lưu trữ Việt Nam*, số 1 (61).
136. *Hà Nội - thủ đô nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Sự thật, H.1984.
137. *Ha Noi, Ville et memoire* [Hà Nội, đô thị và ký ức], Les amis patrimoine architectural du Vietnam, Paris, 1993.
138. Đỗ Thị Hào (2006), “Từ văn bia Hà Nội, góp phần tìm hiểu vị trí Thăng Long thành”, *Thông báo Hán Nôm học năm 2005*, Nxb Khoa học xã hội, H.
139. Phạm Hân (1983), “Từ di tích hồ Ngọc Khánh suy nghĩ về vị trí thành Thăng Long”, *Tạp chí KCH*, số 1.
140. Phạm Hân (1986), “Suy nghĩ sơ bộ về bộ Bản đồ Hồng Đức qua tám bản đồ kinh thành Thăng Long”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1.
141. Phạm Hân (1995), “Thăng Long thành xưa”, *Xưa & Nay*, số 20.
142. Phạm Hân (1999), “Thành Hà Nội đời Nguyễn”, *Xưa & Nay*, số 69.
143. Phạm Hân (1990), *Tìm lại dấu vết thành Thăng Long*, Nxb Khoa học xã hội, H.
144. Đặng Thái Hoàng (1980), *Hà Nội nghìn năm xây dựng*, Nxb Hà Nội, H.
145. Đặng Thái Hoàng (2000), *Kiến trúc Hà Nội thế kỷ XIX, thế kỷ XX*, Nxb Hà Nội, H.
146. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2004), *Hoàng thành Thăng Long phát hiện khảo cổ học*, H.
147. Trần Hùng, Nguyễn Quốc Thông (2004), *Thăng Long - Hà Nội mười thế kỷ đô thị hóa*, Nxb Xây dựng, H.
148. Nguyễn Thừa Hỷ (1983), “Mạng lưới chợ ở Thăng Long - Hà Nội trong những thế kỷ XVII - XVIII - XIX”, *Tạp chí NCLS*, số 1 (208).
149. Nguyễn Thừa Hỷ (1983), “Phố phường Thăng Long - Hà Nội trong những thế kỷ XVII - XVIII - XIX”, *Tạp chí NCLS*, số 3 (210) (tr.52-60), số 4 (211) (tr.46-51).
150. Nguyễn Thừa Hỷ (1984), “Kết cấu cư dân - xã hội đô thị của Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII, XVIII, XIX”, *Tạp chí Xã hội học*, số 3.
151. Nguyễn Thừa Hỷ (1993), *Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII - XVIII - XIX*, Hội Sử học Việt Nam, H.

152. Nguyễn Thừa Hỷ (1999), “Thăng Long - Hà Nội dưới thời Nguyễn (1802-1945)”, *Đô thị Việt Nam dưới thời Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
153. Nguyễn Thừa Hỷ (2004), “Hoàng thành Thăng Long có hay không?”, *Xưa & Nay*, số 215.
154. Nguyễn Thừa Hỷ (2005), “Về phức hợp thành Thăng Long”, *Tạp chí NCLS*, số 2.
155. Vũ Thế Khôi (2002), “Về thành Thăng Long thời Lý - Trần qua nguyên bản chữ Hán Đại Việt sử ký toàn thư”, *Xưa & Nay*, số 111.
156. Lê Văn Lan (2004), “Vị trí quy mô và vấn đề "trục chính tâm" của các công trình kiến trúc cung đình trong Hoàng thành Thăng Long thời Lý qua tài liệu văn bản”, *Tạp chí KCH*, số 4.
157. Ngô Thị Lan (2005), “Về mặt bằng kiến trúc hình lục giác ở hồ D6 - 18 Hoàng Diệu (Hà Nội)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2004*, Nxb Khoa học xã hội, H.
158. Ngô Thị Lan (2006), “Những viên gạch có chữ ở hồ D4-D6 (khu D địa điểm 18. Hoàng Diệu - Hà Nội)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2005*, Nxb Khoa học xã hội, H.
159. Ngô Thị Lan, Võ Quý (2005), “Về giếng nước thời Lê ở hồ B12 - 18 Hoàng Diệu (Hà Nội)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2004*, Nxb Khoa học xã hội, H.
160. Ngô Thị Lan (2006), “Bước đầu nhận xét về kỹ thuật xếp nung gốm hoa lam Việt Nam (thế kỷ XV qua tư liệu gốm sứ hồ D6 (khu D) địa điểm 18 Hoàng Diệu - Hà Nội)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2005*, Nxb Khoa học xã hội, H.
161. Trần Huy Liệu (chủ biên) (1960, 2000), *Lịch sử thủ đô Hà Nội*, Viện Sử học, Nxb Hà Nội tái bản
162. Trần Hải Lượng (1959), “Bàn về địa giới thành Thăng Long”, *Tạp chí NCLS*, số 6.
163. Phan Huy Lê (2006), “Vị trí khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu trong cấu trúc thành Thăng Long - Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử”, *Tạp chí KCH*, số 1.
164. Phan Huy Lê (2007), “Càng nghiên cứu, càng nhận thức sâu sắc hơn giá trị khu di tích Hoàng Thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu”, *Tạp chí KCH*, số 1.
165. Phan Huy Lê (2007), “Nhận thức mới về giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long”, *Xưa & Nay*, số 279.
166. Phan Huy Lê (2007), *Lịch sử và văn hóa Việt Nam, tiếp cận bộ phận*, Nxb Giáo dục, H.
167. Vũ Thế Long (2001), “Di tích động vật trong khu Hậu Lâu (thành cổ Thăng Long)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2000*, Nxb Khoa học xã hội, H.
168. Vũ Thế Long (2005), “Di tích động vật trong khu khai quật Hoàng thành Thăng Long”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2004*, Nxb Khoa học xã hội, H.

169. Nguyễn Quang Miên (2005), “Những kết quả đo tuổi C14 đầu tiên tại khu di tích Hoàng Thành (Hà Nội)”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2004*, Nxb Khoa học xã hội, H.
170. Đỗ Văn Minh (2000), “Suy nghĩ về ba hồ khai quật Bắc Môn, Tỉnh Bắc Lân, Đoan Môn (Hà Nội)”, *Tạp chí KCH*, số 3.
171. Nguyễn Quang Ngọc (1986), “Góp thêm ý kiến về vấn đề Hoàng thành Thăng Long thời Lý Trần và lịch sử Thập Tam Trại”, *Tạp chí NCLS*, số 1.
172. Nguyễn Quang Ngọc (2005), “Thành Thăng Long thời Lý - Trần - Lê: Đôi lời bàn thêm về phạm vi, vị trí của Hoàng thành và Cung thành”, *Tạp chí NCLS*, số 2 (345).
173. Nguyễn Quang Ngọc (2006), “Thăng Long thời Lý - Trần - Lê dưới ánh sáng của các nguồn tư liệu mới”, *Tạp chí KCH*, số 1.
174. Đỗ Văn Ninh (1995), “Về tên gọi "Đấu đong quân" của di tích La Thành gần dốc Bưởi - Hà Nội”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1994*, Nxb Khoa học xã hội, H.
175. Đỗ Văn Ninh (2000), “Suy nghĩ về ba hồ khai quật Bắc Môn, Tỉnh Bắc Lân, Đoan Môn (Hà Nội)”, *Tạp chí KCH*, số 3.
176. Đỗ Văn Ninh (2003), “Ứng thành Đoài Môn”, *Thăng Long - Hà Nội ngàn năm*, số 16.
177. Đỗ Văn Ninh (2004), “Di tích và di vật trong Hoàng thành Thăng Long”, *Thăng Long Hà Nội ngàn năm*, số 23.
178. Đỗ Văn Ninh (2004), “Những hiểu biết mới về thành Thăng Long”, *Tạp chí KCH*, số 4.
179. Đỗ Văn Ninh (2005), “Không thể hoài nghi những di tích, di vật đã tìm thấy tại khu Hoàng thành Thăng Long - Đông Kinh”, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2004*, Nxb Khoa học xã hội, H.
180. Đỗ Văn Ninh (1983), *Thành cổ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H.
181. Đỗ Văn Ninh (2008), “Di vật gạch ngói xây dựng thành lũy, cung điện Thăng Long”, Hội thảo “*Nhận diện giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004-2008)*”, Hà Nội, 10.2008.
182. Vũ Văn Quân (Chủ biên) (2007), *Thăng Long - Hà Nội, một nghìn sự kiện*, Nxb Hà Nội, H.
183. Philippe Papin (1997), *Des “villages dans la ville” aux “villages urbains”. L’espace et les formes du pouvoir à Ha Noi de 1805 à 1940* [Các không gian và hình thức quyền lực ở Hà Nội giai đoạn 1802 - 1940], Luận án Tiến sĩ sử học, Đại học Paris VII, Paris.
184. Philippe Papin (2001), *Histoire de Hanoi* [Lịch sử Hà Nội], Fayard, Paris.
185. Nguyễn Vinh Phúc (1975), “Các cửa ô ở Hà Nội”, *Tạp chí NCLS*, số 1.



186. Vũ Tuấn Sán (1968), “Núi Nùng, núi Khán hay núi Sura”, *Tạp chí NCLS*, số 111
187. Đỗ Xuân Sâm (chủ trì) (2008), *Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, địa lý, môi trường góp phần định hướng phát triển không gian của thủ đô Hà Nội trong nửa đầu thế kỷ XXI*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp nhà nước, Mã số KX.09.01.
188. Tổng Trung Tín, Trần Anh Dũng (2000), “Khai quật địa điểm Đoan Môn năm 1999”, *Tạp chí KCH*, số 3.
189. Tổng Trung Tín, Trần Anh Dũng (2000), “Khai quật địa điểm Bắc Môn”, *Tạp chí KCH*, số 3.
190. Tổng Trung Tín, Hà Văn Cẩn, Nguyễn Văn Hùng (2000), “Khai quật địa điểm Hậu Lâu năm 1998”, *Tạp chí KCH*, số 2.
191. Tổng Trung Tín, Trần Anh Dũng, Hà Văn Cẩn, Nguyễn Đăng Cường, Nguyễn Thị Đơn, Nguyễn Văn Hùng (2000), “Hệ thống vật liệu xây dựng ở kinh đô Thăng Long qua các đợt khai quật Đoan Môn, Bắc Môn và Hậu Lâu”, *Tạp chí KCH*, số 4.
192. Vũ Văn Tĩnh (1968), “Một chút tài liệu về lịch sử đất đai Hà Nội”, *Tạp chí NCLS*, số 111
193. Trung tâm lưu trữ quốc gia 1 (2000), *Lịch sử Hà Nội qua tài liệu lưu trữ*, Nxb Văn hoá thông tin, H.
194. *Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1995.
195. Bùi Thiết (1981), “Về các tấm bản đồ thành Thăng Long đời Lê (thế kỷ XV)”, *Tạp chí KCH*, số 3.
196. Bùi Thiết (1982), “Thêm một số bản đồ Thăng Long thời Lê (thế kỷ XV - XVIII)”, *Tạp chí KCH*, số 1.
197. Bùi Thiết (1984), “Sắp xếp các thế hệ bản đồ hiện biết thành Thăng Long thời Lê (thế kỷ XV - XVIII)”, *Tạp chí KCH*, số 4.
198. Bùi Thiết (1984), “Phát hiện hàng loạt bản đồ Thăng Long thời Lê”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 10.
199. Bùi Thiết (1984), “30 năm nghiên cứu lịch sử thủ đô Hà Nội”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 10.
200. Lê Thước (1963), “Bản đồ Hồng Đức”, *Tạp chí NCLS*, số 9.
201. Ngô Đức Thọ (2004), “Hoàng thành Thăng Long qua các bản đồ cổ”, Hội thảo *Nghiên cứu đánh giá các giá trị văn hoá, lịch sử khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu*, tháng 7.2004.
202. Nguyễn Minh Tuấn (1979), “Thăng Long đầu thế kỷ XVIII trong con mắt của một trí thức dân tộc Thái ở Tây Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4.

203. Phạm Hy Tùng (1997), “Vóc dáng phủ Trịnh Vương qua đồ sứ ký kiểu thời Lê Trịnh”, *Tạp chí KCH*, số 4.
204. Nguyễn Văn Uẩn (2001), *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*, Nxb Hà Nội, H.
205. Nguyễn Việt (1959), “Vài nét về địa lý và lịch sử có liên quan đến việc xây dựng Hà Nội”, *Tạp chí NCLS*, số 46.
206. Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán (1975), *Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, H.
207. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn học, H.
208. Trần Quốc Vượng (2004), “Lại bàn về vị trí thế Hoàng thành Thăng Long”, *Tạp chí KCH*, số 4.
209. Trần Quốc Vượng (2005), *Hà Nội như tôi hiểu*, Nxb Tôn giáo, H.

210. Trần Quốc Vượng (2006), *Thăng Long - Hà Nội - Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, H.211. Sakurai Yumio (2009), “Trục trung tâm phố cổ Hà Nội”, trao đổi học thuật nhân Lễ hội hoa anh đào - kỷ niệm 999 năm Thăng Long - Hà Nội, ngày 10.4.2009.
212. William S.Logan (2000), *Ha Noi, biography of a city*, UNSW press, Australia